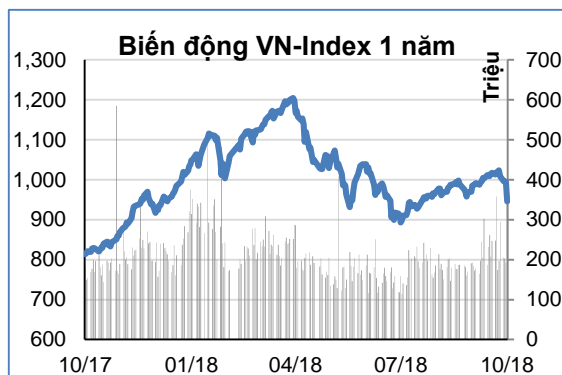


## Biến động thị trường

	12/10	1T (%)	3T (%)
VN Index	970	-1.7%	8.0%
GTGD	5,073	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	281	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



## Trái phiếu và Hàng hóa

	12-10	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.122%	4.133%	2.455%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.363%	4.358%	3.158%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.075%	5.163%	4.865%
Dầu WTI (\$/thùng)	71.63	70.37	70.33
Gold (\$/oz)	1,220	1,206	1,247

Nguồn: Bloomberg

## Dự phóng LNDN của KISVN

	2017	TTM	2018E	2019E
Tăng trưởng LNDN (%)	25.6%	26.4%	20.8%	18.7%
PER Forward (x)	18.4	18.9	16.1	14.3

## Phạm Tấn Phát

(+84 8) 3914 8585 - Ext: 1468  
Phat.pt@kisvn.vn  
www.kisvn.vn

## Trần Trương Mạnh Hiếu

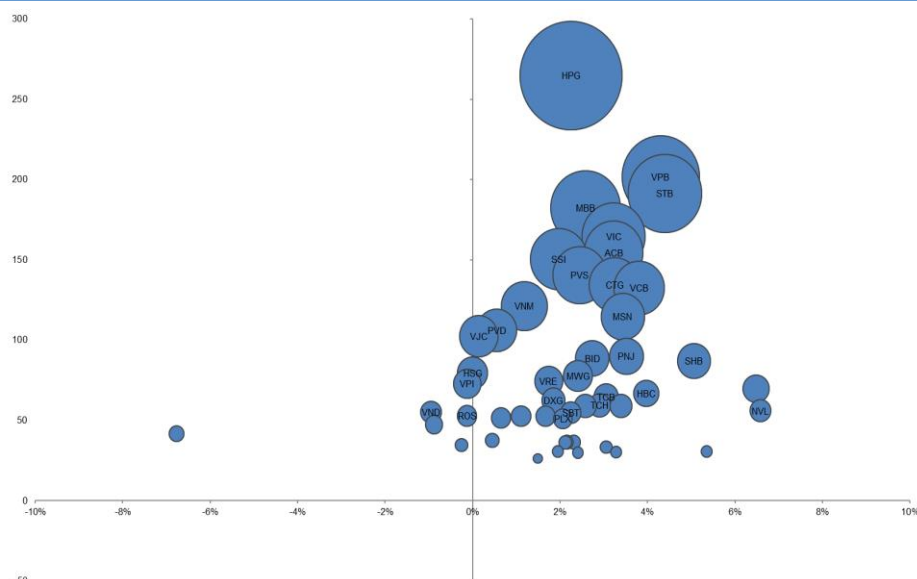
(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464  
Hieu.ttm@kisvn.vn  
www.kisvn.vn

## Bluechip dẫn dắt thị trường

- Thị trường chứng khoán đảo chiều phục hồi thành công sau phiên lao dốc trước đó. Chỉ số VN-Index tăng mạnh 2.56% và đóng cửa ở mức 970 điểm. Thanh khoản đạt 202 triệu cổ phiếu khớp lệnh với giá trị 4,506 tỷ đồng.
- Độ rộng thị trường tỏ ra tích cực khi số lượng mã tăng gấp hơn 4 lần mã giảm trên HSX. VN30-Index tăng 2.55% với 26/30 cổ phiếu đóng cửa trong sắc xanh, trong khi đó VNMid-Index và VNSmall-Index cũng phục hồi 2.21% và 1.31%.
- Ngân hàng và dầu khí dẫn dắt xu hướng chung với tâm điểm là các mã GAS (+6.5%), PVS (+2.5%), VCB (+3.8%), CTG (+3.3%) và BID (+2.7%). Trong khi đó, một số cổ phiếu thuộc ngành bất động sản và hàng tiêu dùng lại có sự bứt phá trên 3% như VIC, NVL và MSN. Chiều ngược lại, một số cổ phiếu bluechip lại chìm trong sắc đỏ như CTD, PVT và CII.
- Khối ngoại quay lại mua ròng với giá trị 281 tỷ đồng trên sàn HSX. VPB, VCB và HPG được mua vào nhiều nhất với giá trị 158 tỷ đồng, 39 tỷ đồng và 38 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, nhóm này bán mạnh VHM, LDG và VJC.

**Nhận định thị trường:** Tâm lý thị trường trở nên tích cực nhờ lực mua xuất hiện. Tuy nhiên, rủi ro điều chỉnh vẫn còn khi tín hiệu về xu hướng giảm đã được xác nhận. Vì thế, nhà đầu tư nên thận trọng và chờ đợi sự cân bằng trở lại trước khi hành động.

## Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

# Phân tích kỹ thuật

## VN-Index

Hỗ trợ 1: 917-925

Kháng cự 1: 972-990

Hỗ trợ 2: 870-880

Kháng cự 2: 1,030-1,040

### Quan điểm kỹ thuật 20 ngày



VN-Index hồi phục với cây nến dạng Piercing line, đây là dạng nến đảo chiều thường thấy. Khối lượng đạt 203 triệu đơn vị xấp xỉ trung bình 10 phiên gần nhất cho thấy dòng tiền bắt đáy hoạt động khá tích cực.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), VN-Index xuất hiện tín hiệu hồi phục khá tốt nhưng xu hướng điều chỉnh đã được xác nhận phiên liền trước khi giá break xuống đường trendline hỗ trợ. Cụ thể giá đang ở dưới khoảng trống giá xuống Gap down (vùng 972-990 điểm) và giá đang có xu hướng lấp lại khoảng trống giá này. Chỉ báo RSI cũng hồi phục mạnh sau khi đi vào vùng quá bán. Vùng hỗ trợ mạnh cho VN-Index từ 940-950. Trong khi đó, vùng 972-990 điểm là kháng cự mạnh cho chỉ số.

Ở góc độ trung hạn, VN-Index đang đi ngang kể từ cuối tháng 05/2018 với mẫu hình sóng Flat (đánh dấu A-B-C). Nhịp giảm mạnh và phá vỡ đường trendline cho thấy sóng C đã kết thúc tại 1,027 điểm. Hỗ trợ trung hạn cho VN-Index quanh 880 điểm.

### Hành động

VN-Index hồi phục khá tốt. Nhịp hồi phục kỳ vọng sẽ tiếp diễn trong các phiên đầu tuần với kháng cự mạnh quanh 972-990 điểm. Nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao hoặc đang sử dụng margin nên hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn khi xu hướng chủ đạo đang là giảm điểm.

# Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX											
VN-Index	970	Tăng / Giảm	24.19	Tăng / Giảm (%)	2.6%	Thống kê tăng/giảm					
KLGD ('000 cổ phiếu)	228,890		-124,642		-35.3%	SL CP tăng giá		247			
GTGD (tỷ VND)	5,073		-2,739		-35.1%	SL CP giảm giá		55			
						SL CP không đổi		64			
Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
GAS	119,900	7,300	4.42	HVG	6,140	-460	-0.033	HPG	40,800	6.60	264.9
VIC	96,000	3,000	3.03	SJF	15,150	-1,100	-0.028	VPB	24,250	8.48	201.7
VCB	59,900	2,200	2.50	CII	25,750	-250	-0.022	STB	13,050	14.99	191.4
NVL	68,000	4,200	1.21	SCS	143,000	-1,000	-0.016	MBB	21,800	8.48	182.3
MSN	81,300	2,700	0.99	THI	40,000	-950	-0.015	VIC	96,000	1.74	164.6
Top 5 Ngành Tăng				Top 5 Ngành Giảm							
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index		Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index					
	%	Điểm			%	Điểm					
Dịch vụ tiện ích Tài chính	5.7%	4.64									
TD không thiết yếu	3.2%	8.16									
CNTT	2.8%	0.71									
Bất động sản	2.5%	0.23									
	2.3%	5.45									
SÀN GIAO DỊCH HNX											
HNX-Index	110	Tăng / Giảm	2.58	Tăng / Giảm (%)	2.4%	Thống kê tăng/giảm					
KLGD ('000 cổ phiếu)	58,523		-40,588		-41.0%	SL CP tăng giá		127			
GTGD (tỷ VND)	717		-621		-46.4%	SL CP giảm giá		60			
						SL CP không đổi		185			
Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
ACB	32,000	1,000	1.27	ART	6,000	-600	-0.06	ACB	32,000	5.12	154.6
SHB	8,300	400	0.42	PGS	30,900	-1,000	-0.03	PVS	20,900	6.94	140.6
PVS	20,900	500	0.12	PJC	37,700	-4,100	-0.01	SHB	8,300	10.84	87.1
DBC	28,900	1,700	0.10	DL1	31,900	-200	-0.01	ART	6,000	7.38	44.4
VGC	17,000	400	0.08	VNF	28,200	-2,800	-0.01	VGC	17,000	1.78	30.0
Top 5 Ngành Tăng				Top 5 Ngành Giảm							
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index		Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index					
	%	Điểm			%	Điểm					
Khác	79.8%	0.01									
CNTT	46.6%	0.02									
TD thiết yếu	10.8%	0.10									
TD không thiết yếu	10.2%	0.09									
Nguyên vật liệu	6.3%	0.16									

# Giao dịch khối ngoại

## HOSE

### Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VPB	24,250	159.1	0.7	158.4
VCB	59,900	56.7	17.2	39.5
HPG	40,800	130.1	92.1	38.0
HBC	23,550	28.8	0.0	28.8
STB	13,050	27.8	0.1	27.7

### Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VHM	77,000	19.6	37.6	-18.0
LDG	16,850	0.1	17.4	-17.3
VJC	141,000	1.5	17.8	-16.3
VIC	96,000	55.7	70.9	-15.2
VHC	88,700	9.4	23.8	-14.5

## HNX

### Top 5 CP nước ngoài mua ròng

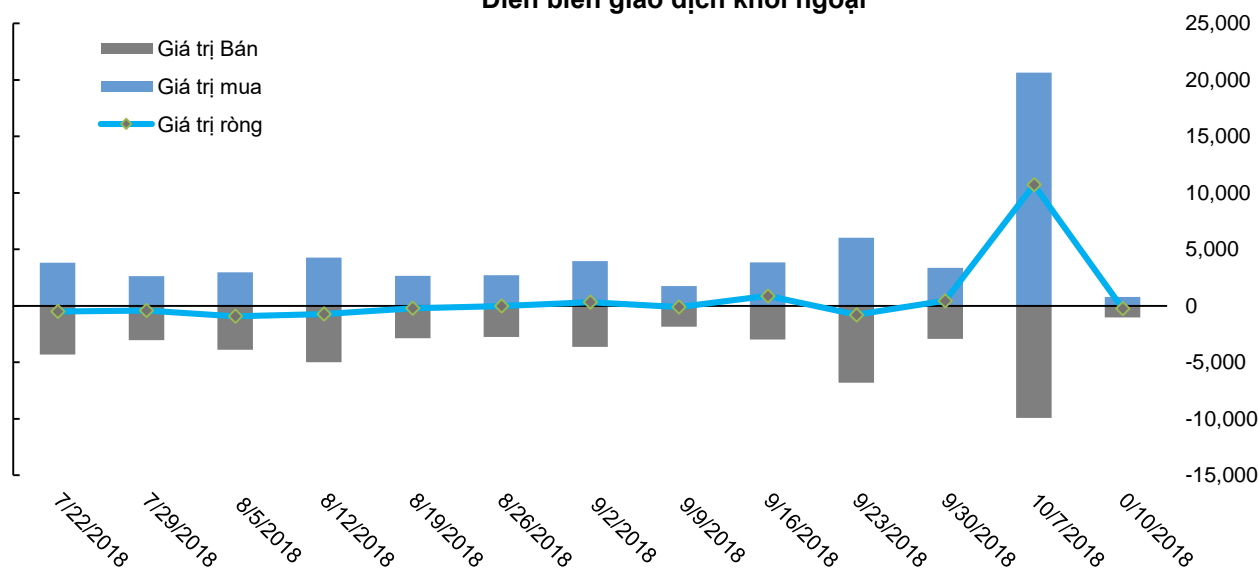
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
SHS	14,500	5.3	0.4	4.8
CEO	13,100	3.7	0.0	3.7
VCS	82,800	2.2	0.3	2.0
SHB	8,300	0.6	0.1	0.5
VGC	17,000	0.5	0.0	0.5

### Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
PVS	20,900	1.0	5.1	-4.1
PVB	20,500	0.0	1.1	-1.1
CSC	30,800	0.0	0.9	-0.9
WCS	135,900	0.0	0.0	0.0
NVB	9,400	0.0	0.3	-0.3

(VNDbn)

### Diễn biến giao dịch khối ngoại



# Thị trường phái sinh

## Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 895-910

Kháng cự 1: 960-970

Hỗ trợ 2: 870-875

Kháng cự 2: 1000-1010



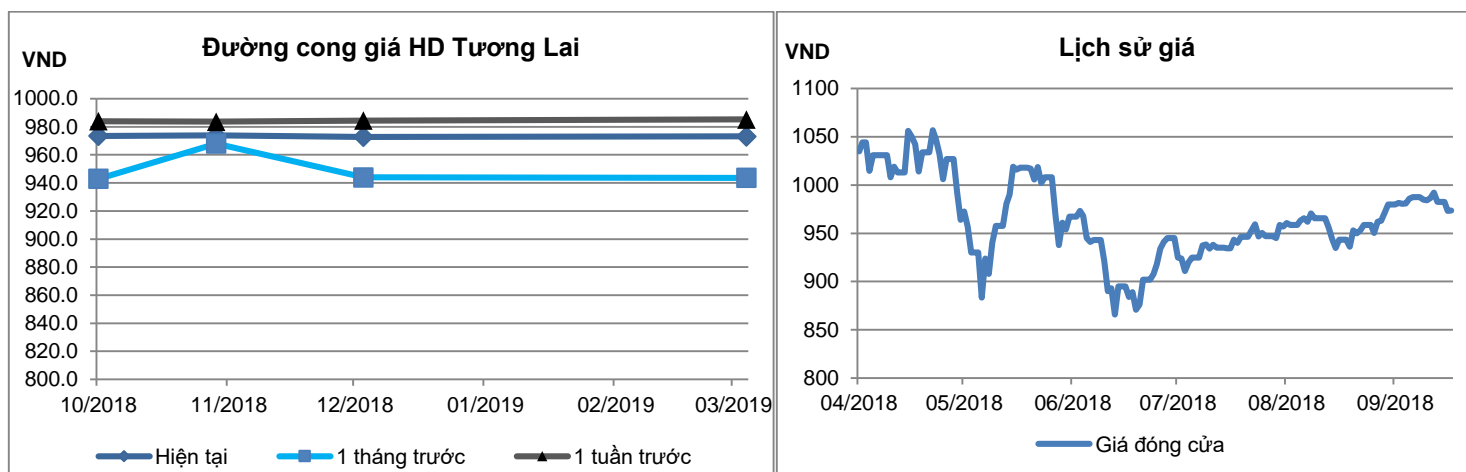
**Nhận định xu hướng:** VN30-Index hồi phục mạnh từ ngưỡng 910 điểm. Chỉ báo RSI cũng phục hồi sau khi đi vào vùng quá bán. Các tín hiệu cho thấy nhịp hồi phục đang hình thành và kỳ vọng tiếp diễn. Mặc dù vậy, xu hướng chủ đạo vẫn tiêu cực khi giá đã break-down xuống đường cận dưới của kênh giá tăng ở phiên liền trước. Vùng 960-970 điểm là kháng cự mạnh cho chỉ số.

**Chiến lược đầu tư:** Các tín hiệu cho thấy chỉ số VN30-Index đang hồi phục trong xu hướng giảm. Khả năng đà hồi phục sẽ được duy trì và chúng ta ưu tiên long ở nhịp điều chỉnh.

-Long khi VN30F1810 điều chỉnh và được hỗ trợ bởi vùng 934-935. Dừng lỗ khi giá xuống dưới 930 điểm. Mục tiêu 950 điểm.

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mờ	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
VN30 Index	943	23.5	2.6%	136,876,030			
VN30F1810	944	-29.5	-3.0%	148,760	15,271	18/10/2018	6
VN30F1811	943	-31.2	-3.2%	1,506	632	15/11/2018	34
VN30F1812	945	-27.9	-2.9%	344	542	20/12/2018	69
VN30F1903	944	-29.2	-3.0%	163	207	21/03/2019	160



## DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	56,800	4,650	10.1	2.0	158	75%	98,800	51,200
CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.9%	26,300	6,436	#N/A	1.3	609	56%	39,500	24,200
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	Công nghiệp	1.3%	164,000	12,839	8.1	1.7	198	43%	244,900	120,400
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.8%	26,050	96,995	12.5	1.4	5,692	30%	38,250	18,300
DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.8%	91,600	11,976	22.7	4.1	214	46%	118,900	83,700
DPM	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.5%	17,400	6,809	12.0	0.9	663	20%	26,600	16,100
FPT	Công ty Cổ phần FPT	CNTT	3.9%	43,300	26,567	8.5	2.3	923	49%	56,957	38,500
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Dịch vụ tiện ích	1.8%	100,100	191,586	17.3	4.4	603	4%	136,400	63,500
GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	Công nghiệp	0.8%	26,650	7,913	4.3	1.3	517	20%	39,473	23,000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	9.0%	38,600	81,983	9.2	2.2	5,815	39%	48,429	24,857
HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.5%	10,600	4,080	5.7	0.8	3,051	20%	27,136	9,318
KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.7%	30,600	6,293	#N/A	1.0	135	21%	45,800	28,900
MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Tài chính	5.0%	22,750	49,150	10.8	1.7	6,010	20%	31,471	17,815
MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.2%	93,000	97,952	17.3	5.8	746	29%	118,000	47,600

MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.5%	116,300	37,549	13.7	5.0	650	49%	138,600	98,000
NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	63,600	57,714	25.1	4.1	1,330	9%	78,800	44,580
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.4%	67,000	77,640	20.7	4.1	646	11%	95,500	51,800
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	2.0%	97,500	15,809	19.1	4.7	512	49%	138,733	68,000
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.1%	34,800	10,790	6.5	1.3	462	49%	44,750	29,150
ROS	Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	1.1%	40,650	23,073	29.5	4.0	936	2%	187,500	37,600
SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3.9%	222,900	142,942	31.5	9.1	62	10%	347,000	193,800
SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.9%	18,800	9,314	17.9	1.5	2,348	8%	31,800	13,300
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.7%	30,900	15,445	12.0	1.7	4,137	56%	44,400	21,900
STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.5%	11,100	20,021	13.5	0.8	4,743	10%	17,300	9,670
VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	4.0%	60,600	218,025	19.3	3.7	2,305	21%	76,500	37,100
VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Bất động sản	9.3%	101,500	323,950	78.5	7.2	1,520	8%	113,058	39,298
VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Công nghiệp	7.4%	149,500	80,971	15.8	7.6	653	25%	191,167	76,786
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.1%	125,500	218,551	24.8	8.4	927	59%	179,167	122,667
VPB	Ngân hàng Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	6.8%	25,350	61,424	9.5	2.2	4,645	23%	40,848	21,008
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.8%	36,800	69,960	46.5	2.7	1,275,070	3150%	61,500	35,000

**Lịch sự kiện**

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
15/10/2018	DM7	Upcom	Giao dịch 15.411.100 cổ phiếu đăng ký giao dịch
15/10/2018	CGP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
15/10/2018	TDG	HSX	Trả cổ tức năm 2016 và 2017 (tỷ lệ 10:3)
15/10/2018	PNT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)
16/10/2018	PTT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
16/10/2018	SAB	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (1.500 đ/cp)
16/10/2018	HLG	HSX	Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2018
16/10/2018	DSS	Upcom	Tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2018
16/10/2018	MQN	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trả cổ tức bằng tiền mặt (2.500đ./cp)
17/10/2018	DSP	Upcom	Giao dịch 118.684.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch
17/10/2018	S99	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 5%)
17/10/2018	CKA	Upcom	Giao dịch 3.286.404 cổ phiếu đăng ký giao dịch
17/10/2018	DNH	Upcom	Đại hội cổ đông bất thường
17/10/2018	TFC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp)
17/10/2018	BTN	Upcom	Trả cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 50%)
17/10/2018	CTI	HSX	Thanh toán cổ tức đợt cuối năm 2017 (800 đ/cp)
17/10/2018	MPC	Upcom	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
17/10/2018	TSB	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
17/10/2018	DP3	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.000đ/cp)
18/10/2018	TL4	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700đ/cp)
18/10/2018	PMP	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
18/10/2018	TCT	HSX	Trả cổ tức đợt 2 năm 2017 (300 đ/cp)
19/10/2018	VOC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.300đ/cp)
19/10/2018	RBC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
19/10/2018	SBV	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2018



## Liên hệ:

### Trụ sở chính

Tòa nhà TNR

Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6899

### Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM

Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (+84 24) 3974 4448

Fax: (+84 24) 3974 4501

## Phòng khách hàng định chế

### Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định  
chế

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

## Khuyến cáo

Bản báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ư thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.